

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ DÒNG ĐÀO VINH THẠNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

CHUYỆN CHÉM TÊN BỒI BA

Đào Tấn tuy làm quan Nam triều trong thời Pháp thuộc, nhưng ông vẫn giữ khí tiết của nhà Nho và bảo toàn thể diện cho triều đình Huế. Vì thế Cụ không thể nhắm mắt làm ngơ để cho những tên tay sai cậy thế quan thầy ngoại bang, thẳng tay hà hiếp cướp bóc dân lành tại xứ Trung Kỳ. Điển hình là vụ chém tên Bồi Ba, gia nhân của viên Khâm sứ, lúc Cụ Đào giữ chức Thừa Thiên Phủ doãn. Văn thi sĩ Quách Tấn trong loạt bài “*Đôi nét về cụ Đào Tấn*” đăng trong Tạp chí Lành Mạnh, số 47 và 48, phát hành năm 1960, đã tường thuật sự kiện này, câu chuyện như sau:

Lúc cụ Đào Tấn ngồi Phủ doãn Thừa Thiên (1887), dưới triều Đồng Khánh (1886-1888), có tên bồi của viên Khâm sứ Pháp, tục gọi là Bồi Ba, cậy thế chủ hoành hành. Hầu hết các quan văn võ ở Huế đều phải kiêng nể, nên y muốn làm gì thì làm không kiêng sợ ai hết. Những thương gia ở thành phố Huế và chợ Đông Ba bị y bóc lột, hiếp đáp, không biết kêu ca vào đâu. Vợ con bị cưỡng ép cũng đành phải cắn răng chịu nhục mà làm lơ. Nghe đến tên Bồi Ba thì ai nấy đều khiếp sợ phải tìm cách tránh xa để khỏi mang họa.

Tiếng đồn đến tai Cụ. Sau khi điều tra rõ sự thực, Cụ cho người theo dõi, hề y phạm pháp thì bắt ngay bất kỳ việc lớn hay nhỏ.

Một hôm con vợ y ra chợ Đông Ba, y thế đánh người. Linh bắt về Thừa phủ nhốt. Tên Bồi Ba nghe tin, xách ba toong đến phủ đường thỉnh nộ. Cụ liền bắt bỏ ngục. Y liền cho người chạy về báo chủ. Viên Khâm sứ thân hành đến Phủ doãn can thiệp. Cụ ôn tồn kể hết tội ác của tên bồi cho viên Khâm sứ nghe. Viên Khâm sứ đáp: “Hiện giờ còn một số người Việt Nam có óc bài Pháp. Họ thấy tên Bồi Ba trung thành với tôi nên ghét mà đặt ra chuyện nọ chuyện kia, khiến ngài nghe trái lẽ mà giận đó thôi, chớ hẳn đâu có gan làm những chuyện phi pháp đến thế.”

Cụ liền dừng, truyền lính dẫn tên bồi ra.

Tên bồi quen thói hống hách, quen được quan gia kiêng nể, nay bị bắt giam thì giận căm gan. Cho nên khi thấy chủ ngồi đó thì lấy làm đắc thế, bèn thả búng

con giận ra, chỉ vào mặt quan Phủ doãn mà mắng nhiếc không tiếc lời. Cụ võ bàn thét lính bắt chém. Viên Khâm sứ tái mặt nói:

- Tôi khuyên ngài hãy nể mặt tôi.

Cụ nghiêm nét mặt đáp:

- Tôi mong quan lớn biết trọng pháp luật Nam triều. Tôi thay mặt nhà vua để trị dân, để giữ an ninh, trật tự trong nước. Những kẻ phạm pháp, tôi phải trị tội, không ai được phép can thiệp. Như tên bồi này, quan lớn thù nghĩ, đối với tôi đây và có mặt quan lớn đó, mà hắn còn dám hành hung bức ấy, hưởng hồ đồi với dân chúng và sau lưng quan lớn. Mà vì sao hắn có những hành động không kể đến phép nước như thế? Có phải tại quan lớn dung túng hắn hay không? Quan lớn đã trưởng ác cho hắn mà quan lớn không biết. Nếu quan lớn muốn tha hắn, thì kiếm đây, ấn đây, tôi xin giao lại cho quan lớn.

Viên Khâm sứ thất kinh đứng dậy xin lỗi, rồi nói cùng tên bồi:

- Mày làm bậy thì mày chịu lấy, tao không làm sao được. Đoạn bỏ ra về.



*Chân dung cụ Đào Tấn, do Nhiếp ảnh gia Mahé chụp năm 1893
đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Hué [1]
số Janvier-Mars (Tháng 1-3) 1942, Tập XXIX (29), số 1.*

CHUYỆN THỦY LỢI

Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, tổng Nhơn Ân có 34 thôn, đều là những thôn ở đồng bằng màu mỡ, và có thể nói là vừa lúa của huyện Tuy Phước. Nhưng nguồn nước cung cấp cho cánh đồng bạt ngàn ấy chủ yếu là nước trời. Vì

thế, mỗi năm chỉ có vụ mùa xuân là chắc ăn, cấy lúa vào tháng 11 âm lịch và gặt lúa vào đầu tháng 3 năm sau. Sau khi thu hoạch xong, người ta cày ải và bỏ khô đợi đến mùa mưa đông vào khoảng tháng 6, mới cấy lúa, rồi mùa gặt vào tháng 9. Vụ mùa này hoàn toàn lệ thuộc vào tiết trời, nếu mưa đông đến trễ và mùa lũ đến sớm thì coi như mất trắng.

Cụ Đào Trọng Tập, còn gọi là Trấp, nhận thấy dòng Nam phái sông Côn, có một chi lưu quan trọng chảy xuyên qua các thôn phía Nam của tổng Nhon Ân. Nhưng ngặt nỗi do thượng lưu của sông Côn nằm trên một địa thế dốc đứng, mùa mưa dòng chảy xiết, nước sông lai láng, rồi nhanh chóng cạn kiệt trong mùa nắng. Nên có câu ca dao, nói lên sự khác biệt về hai con sông lớn của tỉnh nhà:

Nước Lại Giang mênh mang mùa nắng,

Dòng sông Côn lai láng mùa mưa.

Bởi vậy, vùng đồng bằng sông Côn thường gặp cảnh thủy phá kếp trong mùa lũ và ruộng đồng khô nứt nẻ vào mùa nắng.

Cụ Đào Trọng Trấp sau đỗ Cử nhân khoa Quý Mão (1903), trong những năm chờ triều đình bổ dụng, đã có sáng kiến dẫn thủy nhập điền cho đồng lúa của tổng nhà để nông dân chủ động trong việc cày cấy, không phải đợi có mưa đông mới cày cấy được; như vậy chắc chắn thu hoạch mỗi năm 2 vụ: mùa tháng 3 và mùa tháng 8 âm lịch; hoặc cũng có thể 3 mùa.

Năm 1979, theo lời kể của cụ Huỳnh Văn Lang nhân sĩ lão thành ở thôn Quang Hy và Hồ Khắc Minh bậc lão thành hai đời chuyên nghề đập yên ở làng Hanh Quang thôn Quang Tín, đều cho rằng cụ Đào Trọng Trấp có công lớn khai tạo hai công trình thủy lợi tại tổng nhà. Khai phá Khẩu Tư, tức khẩu mới Lưu Phật Tĩnh, ở Phú Mỹ xã Phước Lộc để mùa nắng vẫn có thể đem nước vào đồng ruộng các thôn Phong Niên, Tiến Lộc, Đại Tín, Quảng Tín, Hanh Quang, Trung Hậu, Thành Tín, Gia Hy, Vĩnh Thế, Vĩnh Thạnh (xã Phước Lộc); thôn Mỹ Điền (tổng Dương An); thôn Thạnh Thế, Công Chánh, Trung Tín (xã Phước Nghĩa) và hướng dư thủy có các thôn Thọ Nghĩa, Hương Nghĩa, Huỳnh Mai (xã Phước Nghĩa). Như vậy trong 34 thôn của tổng Nhon Ân, có đến 16 thôn và 1 thôn của tổng Dương An, nhờ vào nguồn nước của khẩu Lưu Phật Tĩnh.

Khoảng năm 1930, lúc cụ Đào Trọng Trấp nghỉ hưu, cùng với cụ Tham tri Đặng Cao Đệ (Kỳ Sơn) và Nhân sĩ Tô Văn Phong (Công Chánh) đắp phân thủy bờ bạn Thông Chín ở Tấn Lộc lấy nước dồi dào cho các khẩu trên bờ bạn.

Vì thế, Cụ Đào Trọng Trấp được người đời thời ấy gọi biệt danh là Nhà Dẫn Thủy Nhập Điền của tổng nhà.

Để tưởng công khai tạo, từ triều đình đến địa phương đều xét công ban thưởng cho Cụ:

- Cứ lệ hằng năm Ban Đập Yên đại diện cho dân xã các làng nói trên đi lễ Tết cho Cụ một con heo thịt. Sau năm 1945, thời kỳ Việt Minh, lệ này bị bãi bỏ.

- Ngày 25 tháng giêng năm 1927, niên hiệu Bảo Đại thứ 2, Cụ về hưu, triều đình ban thăng thụ hàm Quang Lộc Tự Khanh (光祿寺卿), tòng Tam phẩm.

- Năm 1934, Cụ từ trần, nhằm vào ngày 12 tháng tư năm Giáp Tuất, và từ ấy cứ đến ngày giỗ, hương chức làng Vĩnh Thạnh đến nhà Cụ cắm cờ xí thành hai

hàng dọc từ ngõ đến sân để đón rước thần linh Trung Nghị Đại Phu Quang Lộc Tự Khanh Đào Trọng Trấp về linh hưởng. Lệ ấy, sau năm 1945 cũng bị bãi bỏ

- Năm Bảo Đại thứ 18 tháng 7 ngày lành, hương chức làng Vinh Thạnh vâng mệnh triều đình, lập thần chủ thờ Cụ tại Đình làng Vinh Thạnh, nội dung như sau:

Bảo Đại Thập bát niên thất nguyệt cát nhật (hàng bên phải)

Hoàng triều Cáo thọ Trung nghị Đại phu Quang lộc Tự khanh thụy Ôn Tịnh, tự Tử Hi Đào công thần vị (hàng giữa)

Bản thôn phụng tự (hàng bên trái)

Tam dịch:

Bảo Đại năm thứ 18 tháng 7 ngày lành

Triều Bảo Đại ban cho hàm Trung nghị Đại phu tước Quang Lộc Tự Khanh, hiệu Ôn Tịnh, tự Tử Hy, ông họ Đào thần vị.

Chức sắc trong thôn vâng mệnh tế tự.

Thần vị cụ Đào Trọng Trấp, nguyên thờ tại Đình làng Vinh Thạnh, khi ngôi đình bị triệt hạ (theo lệnh “Tiêu thổ Kháng chiến” ban hành ngày 20-12-1946), Thần vị được đưa về cho dòng họ, nay hiện thờ tại Từ đường Bạc 2, tức Từ đường Đào Trọng Trấp.



CHUYỆN HÁT HAY / HỌC DỖ

Commented [cd1]:

Họ Đào làng Vinh Thạnh nguyên ở tổng Nhơn Ân, huyện Tuy Phước, phủ An Nhơn, niên hiệu Thành Thái thứ 15, khoa Quý Mão (1903), có đến ba anh em đỗ Cử nhân. Tại trường thi Thừa Thiên, Đào Thoại Thạch trúng tuyển thứ 3/31, Đào Nhữ Tuyên đỗ thứ 15/31; trong khi đó ở trường thi Bình Định, Đào Trọng Tập (quen gọi là Đào Trọng Trấp, còn có tên Đào Đức Trạch) đỗ thứ 17/18.



H 9: Đào Nhữ Tuyên và Phu nhân.
Ảnh thờ tại từ đường Đào Tấn.

Theo sắc chỉ còn lưu trong trấp thờ, ngày 7 tháng 4 năm 1921, Đào Nhữ Tuyên (陶汝宣) được cử giữ chức Tri huyện Mộ Đức thuộc tỉnh Quảng Ngãi, sĩ phu địa phương tỏ ý khinh thường về tài học hành của quan huyện người Bình Định, nơi nổi tiếng về Hát bội, và lại là con của vị quan chuyên sáng tác tuồng. Ở xứ thường hát xướng, chắc là học hành chẳng ra sao, nên họ trêu chọc, thử tài. Quan huyện vừa đến nhiệm sở thì ngay đêm đó họ đã lén viết lên hai trụ ngỗ huyện đường, mỗi bên hai chữ: “Hát hay” / “Học dở” đối nhau. Sáng hôm sau, tên lính hầu sợ hãi vào trình quan và xin xóa. Cụ không tỏ vẻ tức giận, cũng không một lời quở phạt đám lính canh. Cụ ra xem và ôn tồn bảo đám lính hầu đừng xóa, cứ để nguyên như vậy, rồi sai đem bút mực ra, Cụ tự tay viết tiếp ở mỗi trụ cổng thêm 5 chữ nữa để thành hai câu thơ thất ngôn đối nhau:

*Hát hay, rõ kếp Qui Nhơn thật,
Học dở, làm quan Quảng Ngãi chơi!*

Chúng tôi Cự là người có thực học, lắm văn tài và giàu lòng tự tin mới đủ sức bình tĩnh dùng lối chơi chữ ăn miếng, trả miếng công bằng như vậy. Thêm vào đó, thái độ thân nhiên, lòng khoan dung của Cự làm cho sĩ phu vùng ấy nể trọng. Những lúc rỗi rảnh việc công, Cự cùng với các nhân sĩ địa phương bàn bạc về văn chương, trao đổi với nhau những kiến thức về nghệ thuật hát tuồng. Từ chỗ xa lạ, họ trở nên hiểu nhau, tương kính và quen thân. Ngày Cự rời nhiệm sở, nhân sĩ và tổng lý trong huyện làm đơn xin lưu nhiệm nhưng không được, họ lưu luyến chia tay.

San Jose ngày 8- 10- 2025
Trích Đào Gia Thế Phả Tục Biên-2025
từ trang 321-327
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, viết tắt là BAVH, tức Tập san của Hội Những người bạn của Cố đô Huế. Một tạp chí nghiên cứu học thuật có vai trò rất quan trọng trong việc ghi chép, bảo tồn và giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam, đặc biệt là của xứ Huế và Trung Kỳ; ra đời ở Huế, xuất bản từ năm 1914 đến khoảng 1944, viết bằng tiếng Pháp.